

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2019/HS-ST
Ngày 11 tháng 3 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Việt Thắng**
2. Ông **Trịnh Văn Điệp**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Nga Muội** - Là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Ông **Dương Việt Khải** - Kiểm sát viên.

Từ ngày 08 đến ngày 11 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 118/2018/TLST-HS, ngày 27 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2019, đối với:

Bị cáo: **Nguyễn Văn N**, sinh ngày 16/6/2000.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở hiện nay: Khóm 7, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Lớp 4/12. Con ông: Nguyễn Văn T và bà: Nguyễn Lệ H. Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/11/2018 đến nay (Bị cáo tại ngoại có mặt).

Bị hại: Chị **Nguyễn Hằng N**, sinh ngày 09/9/2002 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp cho bị hại là ông Nguyễn Việt Q, sinh năm 1967; Trú tại: Khóm 6B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau và bà Huỳnh Thúy H, sinh năm 1979; Trú tại: Ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Bà Huỳnh Thúy H ủy quyền lại cho ông Nguyễn Việt Q, sinh năm 1967 (có mặt); Trú tại: Khóm 6B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh **Trần Chí L**, sinh ngày 12/02/2002 (có mặt). Giám hộ cho Trần Chí L: Là ông Trần Văn Đ, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Kim C, sinh năm 1980 (đều có mặt); Cùng trú tại: Khóm 7, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ông **Trần Văn Đ**, sinh năm 1973 (có mặt).

Bà **Nguyễn Kim C**, sinh năm 1980 (có mặt).

Cùng trú tại: Khóm 7, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Anh **Trần Chí M**, sinh ngày 20/11/2004 (có mặt). Giám hộ cho Trần Chí M: Là ông Trần Văn H, sinh năm 1956 (có mặt); Trú tại: Tổ 10 - Khóm 4, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bà **Tiêu Thủy T**, sinh năm 1976.

Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1972.

Cùng trú tại: Khóm 11, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ông Nguyễn Văn S ủy quyền lại cho bà Tiêu Thủy T, sinh năm 1976 (có mặt). Trú tại: Khóm 11, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Anh **Phạm Minh Đ**, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Trú tại: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Chị **Nguyễn Hồng P**, sinh ngày 01/01/2000 (có mặt).

Trú tại: Ấp 9, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Chị **Nguyễn Thanh N**, sinh ngày 09/9/2001 (vắng mặt). Giám hộ cho Nguyễn Thanh N: Là ông Phạm Hồng T, sinh năm 1957(vắng mặt); Trú tại: Khóm 12, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Anh **Trần T**, sinh ngày 22/3/2000 (vắng mặt).

Trú tại: Khóm 4, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 50 phút ngày 31/8/2018, bị cáo N điều khiển xe hiệu Wave RSX, biển kiểm soát 69N1-317.10 của Phạm Minh Đ chở L, Trần T từ quán nhậu Ngọc Tuyền thuộc khóm 10, thị trấn S sang nhà P bạn của bị cáo N ở khóm 4, thị trấn S chơi. Khi đến địa điểm trên, không gặp P nên điều khiển xe quay về khóm 7, thị trấn S. Khi xuống phà khóm 4, thị trấn S sang khóm 7, L, Trần T rủ bị cáo N điều khiển xe lên ấp T, xã K chở N xuống khóm 7, thị trấn S nhậu tiếp. Bị cáo N từ chối không đi. Bị cáo N chở L đến trước Ngân hàng OCB thuộc khóm 7, thị trấn S, L kêu bị cáo N đưa xe cho L đi chơi sáng trả lại, bị cáo N đồng ý giao xe cho L và kêu L khi đi chơi về đậu xe trước nhà L sáng bị cáo N lấy. Bị cáo N đi bộ về nhà. L điều khiển phương tiện đến ấp T, xã K chở Ngân xuống khóm 7, thị trấn S xảy ra tai nạn, dẫn đến Nguyễn Hằng N tử vong.

Kết luận giám định pháp y về tử thi số 144-GDPY/2018 ngày 01/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Cà Mau kết luận đối với Nguyễn Hằng N như sau: Ổ chằm phải có khối sưng nề không rõ ranh giới. Kết mạc mắt trắng nhợt. Hai lỗ tai còn chảy ra máu tươi. Máu tụ dưới da đầu ở vùng chằm. Đường nứt sọ phức tạp ở chằm phải, có máu và dịch não tủy chảy ra ngoài. Nguyên nhân chết: Chấn thương sọ não hở.

Tang vật của vụ án: Ngày 31/8.2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Trần Văn Thời thu tại hiện trường 01 xe mô tô hiệu Wave RSX, biển kiểm soát 69N1-317.10, số khung 3208EY084920; 01 xe mô tô hiệu HONDA, biển kiểm soát 50M2-4812, số khung 0200318, số máy CJ 00ME02.00318. Ngày 15/10/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Trần Văn Thời đã trao trả lại 02 chiếc xe trên cho Tiêu Thủy T và Phạm Minh Đ.

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Hiện trường vụ tai nạn giao thông xảy ra ngày 31/8/2018 tại khóm 7, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau. Hiện trường tai nạn xảy ra trên tuyến lộ nhựa, lộ rộng 6m, nơi xảy ra tai nạn là lộ thẳng, tầm nhìn không bị hạn chế.

Biên bản khám nghiệm phương tiện: Đối với xe tô hiệu Wave RSX, biển kiểm soát 69N1-317.10 do Trần Chí L điều khiển thể hiện: Phần ngoài cùng tay cầm lái bên trái bị trầy xước. Tay thắng bánh trước bị gãy văng ra. Gương chiếu hậu bên trái bị gãy. Đầu đèn bị bể hoàn toàn. Ốp mũ chắn bùn bên phải sườn xe phía trước bị bể văng mất. Ốp mũ chắn bùn bên trái sườn xe phía trước bị bể văng mất. Chấn bùn bánh trước bị bể diện tích 20cm x 10cm. Mặt nạ trước bị bể văng mất. Vành bánh trước bị cong biến dạng.

Biên bản khám nghiệm phương tiện: Đối với xe mô tô hiệu Dream, biển kiểm soát 50M2-4812 do Nguyễn Hồng P điều khiển thể hiện: Tay thắng bánh trước bị gãy. Phần ngoài cùng của tay cầm lái bên trái bị trầy xước. Đầu đèn chiếu sáng phía trước bị bung nắp. Ốp sườn bên trái bị văng mất. Ốp sườn bên phải bị văng mất, phần sườn có vết trượt từ sau ra trước. Gấp sườn bánh sau bên phải bị gãy cong biến dạng. Bộ phận giảm sóc (phuộc) bánh sau bên phải bị cong biến dạng. Phần đầu gác chân trước bị trầy, phần nhựa ốp ngoài gác chân bị bể. Phần đầu ngoài cùng gác chân sau bên trái bị trầy xước. Phần đầu co của bộ phận giảm thanh bị gãy.

Xác định lỗi: Nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông đường bộ là do Trần Chí L điều khiển phương tiện đi cùng chiều, từ phía sau xe của Nguyễn Hồng P. Khi phát hiện xe P đang giảm tốc độ, cách phương tiện L khoảng 30 đến 40 mét. Khi điều khiển xe chạy qua lề trái với tốc độ cao để vượt qua xe của P chạy trước chuyển hướng qua lề trái; phương tiện L phía sau chạy lên dần đến xe của L đâm vào bên trái của P. Đây là nguyên nhân trực tiếp gây ra tai nạn. Hành vi của L vi phạm vào khoản 1, khoản 2 Điều 14 Luật giao thông đường bộ. Ngoài ra, Linh sinh ngày 12/12/2002 đến thời điểm xảy ra tai nạn L chưa đủ 16 tuổi, không đủ điều kiện điều khiển phương tiện xe gắn máy trên 50cm³ và chở quá số người quy định. Hành vi của L vi phạm điểm a khoản 1 Điều 60 và khoản 1 Điều 30 Luật giao thông đường bộ. Đối với Nguyễn Hồng P, điều khiển phương tiện giao thông từ lề phải chuyển sang lề trái để vào hẻm C2, chợ tạm khóm 7, thị trấn S. P không mở tín hiệu báo rẽ nhưng đây

không phải là lỗi trực tiếp của vụ tai nạn. Hành vi của P vi phạm khoản 1 Điều 15 Luật giao thông đường bộ. Ngoài ra, P không giấy phép lái xe theo quy định vi phạm khoản 9 Điều 8 và khoản 1 Điều 30 Luật giao thông đường bộ.

Tại Cáo trạng số: 118/CT-VKS ngày 23/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội "Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa, kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội "Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 264; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo N cùng với ông Đ, bà C liên đới bồi thường cho bà T và ông S số tiền: 88.612.000 đồng, bồi thường cho ông Q và bà H số tiền 47.900.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của ông H về việc yêu cầu bị cáo liên đới cùng với ông Đ và bà C bồi thường số tiền 5.000.000 đồng.

Đối với bị cáo N: Nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát. Bị cáo đồng ý bồi thường nhưng yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Đối với ông Q: Ngoài các khoản chi phí mà bà T đã yêu cầu, thì bị cáo N cùng với ông Đ và bà C bồi thường 184.000.000 đồng (tiền mất thu nhập với 05 tháng x 10.000.000 đồng x 02 người = 100.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần với 05 tháng x 8.000.000 đồng x 02 người = 80.000.000 đồng; chi phí mua cù trâm và chi xài với 4.000.000 đồng).

Đối với bà T: Bà yêu cầu bị cáo N cùng với ông Đ và bà C bồi thường số tiền 148.012.000 đồng (theo bảng kê ngày 07/11/2018).

Đối với ông H: Ngoài các khoản chi phí mà bà T đã yêu cầu, thì bị cáo N cùng với ông Đ và bà C bồi thường số tiền: 5.000.000 đồng (chi phí và ăn uống bồi dưỡng khi M xuất viện).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Phạm Minh Đ, Nguyễn Thanh N, Phạm Hồng T và Trần T (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai đầy đủ tại hồ sơ nên việc vắng mặt của các đương sự trên không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trần Văn Thời, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi,

quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về tội danh: Khoảng 00 giờ 50 phút ngày 31/8/2018, bị cáo N điều khiển xe hiệu Wave RSX, biển kiểm soát 69N1-317.10 của Phạm Minh Đ chở L, Trần T từ quán nhậu Ngọc Tuyền thuộc khóm 10, thị trấn S sang nhà P bạn của bị cáo N ở khóm 4, thị trấn S chơi. Khi đến địa điểm trên, không gặp P nên điều khiển xe quay về khóm 7, thị trấn S. Khi xuống phà khóm 4, thị trấn S sang khóm 7, L, Trần T rủ bị cáo N điều khiển xe lên ấp T, xã K chở N xuống khóm 7, thị trấn S nhậu tiếp. Bị cáo N từ chối không đi. Bị cáo N chở L đến trước Ngân hàng OCB thuộc khóm 7, thị trấn S, L kêu bị cáo N đưa xe cho L đi chơi sáng trả lại, bị cáo N đồng ý giao xe cho L và kêu L khi đi chơi về đậu xe trước nhà L sáng bị cáo N lấy. Bị cáo N đi bộ về nhà. L điều khiển phương tiện đến ấp T, xã K chở N xuống khóm 7, thị trấn S xảy ra tai nạn, dẫn đến Nguyễn Hằng N tử vong. Tại kết luận giám định pháp y về tử thi của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Cà Mau kết luận đối với Nguyễn Hằng N chết do chấn thương sọ não hở. Như vậy, hành vi của bị cáo về việc giao xe một tô cho Trần Chí L là người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ, đã cấu thành tội "Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đối với Trần Chí L có hành vi điều khiển xe vượt sai quy định, chưa đủ tuổi điều khiển xe gắn máy trên 50cm³, chở quá số người quy định dẫn đến tai nạn làm Nguyễn Hằng N tử vong. Tuy nhiên, Trần Chí L chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Trần Văn Thời xử phạt hành chính xử lý là có căn cứ.

[4] Về hình phạt: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được hành vi giao xe một tô cho Trần Chí L là người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác, gây nên hậu quả nghiêm trọng làm cho Nguyễn Hằng N bị chết, làm cho Trần Chí M bị thương, làm cho thân nhân người bị hại vĩnh viễn mất đi người thân, không lấy gì bù đắp được, đồng thời gây mất trật tự an toàn giao thông. Đây cũng là nỗi quan tâm chung của toàn xã hội hiện nay. Bị cáo biết rõ Trần Chí L không có giấy phép lái xe một tô theo quy định nhưng bị cáo chủ quan giao xe cho L điều khiển. Trong khi việc tham gia giao thông phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định pháp luật về giao thông đường bộ nhưng bị cáo vẫn xem thường pháp luật, chính bị cáo là người giao xe mô tô cho L là người không đủ điều kiện điều khiển gây ra tai nạn giao thông vào ngày 31/8/2018 và dẫn đến cái chết của Nguyễn Hằng N. Trong vụ án này, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi vô ý, không mong muốn hậu quả xảy ra nhưng bị cáo phải nhận thức được hành vi của mình sẽ gây nguy hiểm cho xã hội nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình gây ra. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử công khai cần thiết và phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo. Tuy nhiên, xét về nhân thân, bị cáo chưa tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

trong quá trình điều tra cũng như phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về việc làm của mình (tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử giảm cho bị cáo một phần hình phạt theo đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định nên cần miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo là phù hợp với khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ông Q (cha bị hại) xác định, khi N chết, bà T trực tiếp lo toàn bộ chi phí mai táng phí cho bị hại N. Nay, ngoài các khoản bà T yêu cầu bồi thường thì ông yêu cầu bị cáo N liên đới cùng với ông Đ và bà C (cha mẹ của Trần Chí L) bồi thường tiền mất thu nhập với 05 tháng x 10.000.000 đồng x 02 người/ông Q, bà H = 100.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần với 05 tháng x 8.000.000 đồng/ông Q, bà H x 02 người = 80.000.000 đồng; chi phí mua cù trâm và chi xài 4.000.000 đồng. Tổng cộng 184.000.000 đồng. Bà T xác định, bà là người trực tiếp lo toàn bộ chi phí mai táng phí cho N, xuất tiền điều trị bệnh cho Trần Chí M và Nguyễn Hồng P. Nay, bà yêu cầu bị cáo N liên đới cùng với ông Đ và bà C (cha mẹ của Trần Chí L) bồi thường tổng số tiền 148.012.000 đồng (theo bảng kê ngày 07/11/2018). Đối với ông H (cha của Trần Chí M) xác định, ngoài các khoản chi phí bà T đã xuất ra điều trị cho M, ông yêu cầu bị cáo N liên đới cùng với ông Đ và bà C (cha mẹ của Trần Chí L) bồi thường thêm 5.000.000 đồng (chi phí bồi dưỡng khi M xuất viện).

Xét, như đã nhận định phân mục [3] Về hình phạt, xuất phát từ việc bị cáo N giao xe cho Trần Chí L là người không đủ điều kiện điều khiển gây ra tai nạn giao thông vào ngày 31/8/2018, dẫn đến cái chết của Nguyễn Hằng N. Bị cáo N phải chịu trách nhiệm về hình sự, đồng thời bị cáo còn chịu trách nhiệm bồi thường về dân sự theo Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 585, Điều 590, Điều 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Đối với L tại thời điểm gây ra tai nạn L chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nhưng L là người trực tiếp điều khiển phương tiện gây ra tai nạn. Do L chưa đủ năng lực trách nhiệm bồi thường và L đang sống cùng gia đình, không có tài sản riêng nên ông Đ và bà C (cha mẹ của L) liên đới bồi thường là phù hợp với Điều 586 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Qua xem xét các khoản yêu cầu bồi thường của: Ông Q, bà T là chưa đúng với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử cần điều chỉnh lại như sau:

Đối với yêu cầu của ông Q được chấp nhận là: 47.900.000 đồng, bao gồm: Tiền mất thu nhập với 05 tháng x 200.000 đồng/ngày/02 người (ông Q, bà H) số tiền 30.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần với 05 tháng x 1.390.000 đồng/ngày/02 người (ông Q, bà H) số tiền 13.900.000 đồng và tiền mua cù trâm và chi tiêu 4.000.000 đồng. Ngoài ra, ông Q yêu cầu Hội đồng xét xử áp dụng tiền mất thu nhập của ông và bà H mỗi người 10.000.000 đồng/tháng và tiền tổn thất tinh thần mỗi người 8.000.000 đồng/tháng nhưng ông Q không xuất trình tài liệu, chứng cứ cho yêu cầu của mình nên không được chấp nhận.

Đối với yêu cầu của bà T được chấp nhận là: 88.612.000 đồng. Bao gồm: Chi phí của bị hại N: Tiền đồ tươi, trái cây, thịt, tôm, cá, rượu, bia, nước suối, số tiền 15.000.000 đồng, chi phí mua hàng 25.000.000 đồng, chi phí vật tư, thuê nhân công 16.283.000 đồng, chi phí mua vật tư thêm, thuê nhân công làm mã 15.000.000 đồng, tiền thuê xe chở bị hại N từ Thị trấn S đến Bệnh viện Trần Văn Thời và ngược lại 800.000 đồng. Chi phí điều trị cho M như: Chi phí điều trị tại Bệnh viện Cà Mau và Bệnh viện Chợ Rẫy 5.701.000 đồng, tại Bệnh viện Thị trấn Sông Đốc 478.000 đồng, tiền thuê xe từ Bệnh viện huyện Trần Văn Thời đến Bệnh viện Cà Mau 650.000 đồng, từ Bệnh viện Cà Mau đến Bệnh viện Chợ Rẫy 5.700.000 đồng, từ Bệnh viện Chợ Rẫy về Thị trấn Sông Đốc 4.000.000 đồng. Đối với các khoản chi phí khác của bà T không được chấp nhận như sau: Đưa tiền cho gia đình P tự đi điều trị 4.300.000 đồng và chi phí điều trị cho M tại Bệnh viện Sông Đốc 1.000.000 đồng (không có hóa đơn chứng từ thể hiện), chi phí mua vật tư, thuê nhân công để làm nhà mồ cho bị hại N 23.600.000 đồng và đưa cho ông Q 10.000.000 đồng và đưa cho H 13.000.000 đồng (không thuộc trường hợp phải bồi thường).

Do đó, buộc bị cáo N bồi thường cho ông Nguyễn Việt Q và bà Huỳnh Thúy H: 22.450.000 đồng. Buộc ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Kim C bồi thường cho ông Nguyễn Việt Q và bà Huỳnh Thúy H: 22.450.000 đồng. Buộc bị cáo N bồi thường cho bà Tiêu Thủy T và ông Nguyễn Văn S số tiền 44.306.000 đồng. Buộc ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Kim C bồi thường cho bà Tiêu Thủy T và ông Nguyễn Văn S số tiền 24.306.000 đồng (đổi trừ với khoản tiền ông Đ, bà C đã đưa cho bà T 20.000.000 đồng).

Đối với yêu cầu của ông H: Chi phí điều trị của Trần Chí M đã được bà T yêu cầu bị cáo N liên đới cùng ông Đ, bà C (cha mẹ của L) bồi thường. Ngoài ra, ông H có yêu cầu bị cáo N cùng với ông Đ, bà C (cha mẹ của L) bồi thường 5.000.000 đồng (chi phí và ăn uống bồi dưỡng khi M xuất viện) nhưng ông H không xuất trình tài liệu, chứng cứ cho yêu cầu của mình nên không được chấp nhận.

Đối với Nguyễn Hồng P, là người trực tiếp điều khiển phương tiện xe mô tô hiệu HONDA, biển kiểm soát 50M2-4812 và bị phương tiện xe của L gây tai nạn và P xác định có thương tích. Nhưng, tại phiên tòa P không có yêu cầu bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô hiệu Wave RSX, biển kiểm soát 69N1-317.10 và xe mô tô hiệu HONDA, biển kiểm soát 50M2-4812, đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Trần Văn Thời trao trả lại cho bà T và anh Phạm Minh Đ là phù hợp.

[8] Đối với Nguyễn Hồng P: Đã vi phạm khoản 1 Điều 15; khoản 9 Điều 8; khoản 1 Điều 30 Luật giao thông đường bộ. Hiện, P không có mặt tại địa phương, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trần Văn Thời không làm việc được và chưa xử lý là phù hợp.

[9] Đối với Tiêu Thủy T và Phạm Minh Đ là chủ 02 phương tiện trong vụ tai nạn giao thông. Trong quá trình điều tra, đã chứng minh được T và Đ không có hành vi giao phương tiện cho Nguyễn Hồng P và Nguyễn Văn N nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trần Văn Thời không xử lý phù hợp.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải nộp 200.000 đồng (Án phí hình sự sơ thẩm) và 3.337.800 đồng (Án phí dân sự có giá ngạch). Buộc ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Kim C phải chịu 2.337.800 đồng (Án phí dân sự có giá ngạch).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội: "Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 264; Khoản 3 Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N **01** (Một) năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

2. Áp dụng: Khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Văn N.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 585, Điều 586; Điều 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N bồi thường cho bà Tiêu Thủy T và ông Nguyễn Văn S số tiền 44.306.000 đồng.

Buộc ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Kim C bồi thường cho bà Tiêu Thủy T và ông Nguyễn Văn S: 24.306.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N bồi thường cho ông Nguyễn Việt Q và bà Huỳnh Thúy H số tiền: 22.450.000 đồng.

Buộc ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Kim C bồi thường cho ông Nguyễn Việt Q và bà Huỳnh Thúy H: 22.450.000 đồng.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải nộp 200.000 đồng (Án phí hình sự sơ thẩm) và 3.337.800 đồng (Án phí dân sự có giá ngạch).

Buộc ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Kim C phải chịu 2.337.800 đồng (Án phí dân sự có giá ngạch).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai: Bị cáo; ông Nguyễn Việt Q và bà Huỳnh Thúy H (Người đại diện hợp pháp cho người bị hại); ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Kim C, ông Trần Văn H, bà Tiêu Thủy T và ông Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Hồng P (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với Phạm Minh Đ, Nguyễn Thanh N, Phạm Hồng T và Trần T (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (01b);
- VKSND huyện Trần Văn Thời (01b);
- CAND huyện Trần Văn Thời (01b);
- THADS huyện Trần Văn Thời (01b);
- Bị cáo; Người đại diện hợp pháp cho bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (09b);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lâm Thành Quang